

Tiết 71,72 . KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

I) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: 8. Đa dạng thế giới sống - Phân loại thế giới sống
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 16 câu) mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Gồm 6 câu hỏi; Thông hiểu: 3 câu : 3 điểm; Vận dụng: 2 câu: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 câu: 1,0 điểm).
 - Nội dung nửa đầu học kì 1: 25% (2,5 điểm): Từ Chủ đề 1-chủ đề 4.
 - Nội dung nửa học kì sau: 75% (7,5 điểm): Từ chủ đề 5- chủ đề 8.

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu TN/Tổng số ý TL		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. Mở đầu (7 tiết)		2								2	0,5
2. Các phép đo (10 tiết)		3								3	0,75
3. Các thể (trạng thái của chất. Oxygen và không khí. (7 tiết)		2								2	0,5
4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực thực phẩm thông dụng, tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)		3								3	0,75
5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp. (6 tiết)		1	1						1	1	1,25
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)			1		1				2		2,00
7. Tế bào đến cơ thể (6 tiết)		3					1		1	3	1,75
8. Đa dạng thế giới sống – Virus và vi khuẩn (11 tiết)		2	1		1				2	2	2,5
Số câu TN/Số ý TL		16	3		2		1		6	16	10,00
Điểm số		4	3,0đ		2,0đ	0	1,0đ	0	6,0	4,0	10
Tổng điểm		4,0đ	3,0đ		2,0đ		1,0đ		10đ		10đ

II. BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/ Số câu TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu (7 tiết)						
- Giới thiệu về KHTN. Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN. - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành.	Nhận biết	– Biết được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Biết được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. – Biết được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).		2		C1,2
2. Các phép đo (10 tiết)						
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian. - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết	- Biết được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. - Biết được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. - Biết được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. – Biết được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.		3		C3,4,5
3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen và không khí (7 tiết)						
- Sự đa dạng của chất - Ba thể (trạng thái)	Nhận biết	- Nêu được sự đa dạng của chất. - Nêu được một số tính chất vật lí, tính		2		C6,7

cơ bản - Sự chuyển đổi thể (trạng thái của chất) - Oxygen, không khí.		chất hoá học của chất. - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. - Nêu được một số tính chất của oxygen và tầm quan trọng của oxygen với sự sống, sự cháy và quá trình đốt cháy nhiên liệu. - Nêu được được thành phần, vai trò của không khí đối với tự nhiên và sự ô nhiễm không khí.				
4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)						
- Một số vật liệu - Một số nhiên liệu - Một số nguyên liệu - Một số lương thực – thực phẩm	Nhận biết	- Biết được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. - Biết được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, - Biết được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...; sơ lược về an ninh năng lượng.		3		C8,9, 10
5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)						
	Nhận biết			1		C11
		- Nêu được khái niệm hỗn hợp.				
		- Nêu được khái niệm chất tinh khiết.				
		- Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch.				
		- Nhận ra được một số các chất rắn hòa tan và				

		không hòa tan trong nước.				
	Thông hiểu		1		C17	
		- Phân biệt được dung môi và dung dịch.				
		- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.				
		- Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.				
		- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.				
		- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.				
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống (9 tiết)						
	Thông hiểu		1		C18	
		- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.				
		- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.				
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).				
	Vận dụng		1		C20	
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào động vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
7. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)						

- Từ tế bào đến mô - Từ mô đến cơ quan - Từ cơ quan đến cơ quan - Từ hệ cơ quan đến cơ quan	Nhận biết			3		C12,13,14
		- Thông qua hình ảnh, biết được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.				
		- Thông qua hình ảnh, biết được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, biết được quan hệ từ cơ quan thành hệ cơ quan; từ hệ cơ quan thành cơ thể.				
	Vận dụng cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.	1		C22	
8. Đa dạng thế giới sống – Virus và vi khuẩn (10 tiết)						
	Nhận biết			2		C15,16
		- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.				
		- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.				
		- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.				
		- Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
	Thông hiểu		1		C19	
		- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.				
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.				

		- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				
		- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
	Vận dụng		1		C21	
		– Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.				
		– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.				
Tổng số câu			6	16		

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan Hương